

**NGUỒN LÂM SẢN NGOÀI GỖ Ở VƯỜN QUỐC GIA VŨ QUANG,
Ý NGHĨA BẢO TỒN, HƯỚNG SỬ DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN**

LÊ THỊ HƯƠNG, ĐỖ NGỌC ĐÀI, NGUYỄN TIẾN CƯỜNG, LÊ VĂN TOẢN

Trường Đại học Vinh

TRẦN MINH HỘI

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

NINH KHẮC BẢN

Viện Hóa sinh biển

Lâm sản ngoài gỗ (LSNG) có tầm quan trọng về kinh tế, môi trường và xã hội [5]. Chúng có giá trị cao và có thể tạo ra nhiều việc làm cho cộng đồng tại chỗ, đóng góp vào thu nhập của người dân, góp phần xoá đói giảm nghèo... LSNG có giá trị đối với sự giàu có của hệ sinh thái rừng, đóng góp vào đa dạng sinh học của rừng; là nguồn gen hoang dã quý, có thể bảo tồn để phục vụ cho công nghiệp. LSNG hiện bị cạn kiệt cùng với sự suy thoái của rừng do ảnh hưởng của sự buông lỏng quản lý, của sự gia tăng dân số, mở rộng canh tác nông nghiệp, chặt thả gia súc không kiểm soát, khai thác gỗ, thu hái gỗ củi làm chất đốt quá mức. Nước ta, một nước nhiệt đới, rất nhiều loại LSNG có giá trị, sản lượng lớn có thể khai thác. LSNG đóng vai trò quan trọng đối với các cộng đồng dân cư sống gần rừng. Người dân miền núi trong bữa ăn luôn có măng tre, nứa, các loại rau rừng là nguồn rau xanh chính của họ. Lá lồm, tai chua, quả bứa nấu canh chua. Củ mài, rau chuối có thể là nguồn lương thực những khi giáp hạt mà người dân đồng bằng không thể có nguồn dự trữ tương tự. Cá suối, thịt một số loại thú rừng, ốc, cua, ếch là nguồn đạm động vật chính của dân cư miền núi. Ngoài ra còn có các loại lâm sản khác làm vật liệu xây dựng, công cụ nông nghiệp, săn bắn... Do vậy, muốn bảo vệ rừng phải tạo được thu nhập bền vững từ rừng cho người dân địa phương, những nguồn lợi từ rừng mà họ có thể khai thác để vừa có giá trị kinh tế vừa đảm bảo chức năng cơ bản của rừng đó chính là LSNG.

Vườn Quốc gia (VQG) Vũ Quang được thành lập năm 2002 trên cơ sở Khu Bảo tồn thiên nhiên (Khu BTTN) Vũ Quang với tổng diện tích của Vườn là 55.035 ha. VQG Vũ Quang là một trong 200 vùng sinh thái trọng yếu của thế giới và dãy Trường Sơn Bắc cũng được xác định là khu vực ưu tiên trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học, đồng thời VQG Vũ Quang là một mắt xích quan trọng trong chuỗi các khu bảo tồn tạo nên môi trường sống hết sức quan trọng cho hệ động, thực vật. Từ khi thành lập đến nay hầu như chưa có công trình nào điều tra, đánh giá đầy đủ về hệ thực vật ở đây, đặc biệt là LSNG. Vì vậy, bài báo này chúng tôi đưa ra một số dẫn liệu về nguồn LSNG ở khu vực này cũng như các biện pháp bảo tồn và khả năng khôi phục một số loài thực vật nhằm mục đích cho công tác bảo tồn đa dạng hệ thực vật cũng như trong việc bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Chúng tôi quan tâm đến các loài thực vật cho LSNG, gồm các nhóm như nhóm cây cho tinh dầu, dầu béo, cảnh, thuốc, mây, tre, nứa, song mét... Vùng nghiên cứu là VQG Vũ Quang, Hà Tĩnh.

- Thu thập và thống kê các số liệu thứ cấp từ các nghiên cứu đã có.
- Điều tra, thu thập tiêu bản, vật mẫu thực vật.
- Xác định tên khoa học theo phương pháp hình thái so sánh theo các sách chuyên ngành thông dụng.
- Tiến hành các điều tra qua các đối tượng liên quan: người khai thác, buôn bán và quản lý lâm sản ngoài gỗ bằng cách: phỏng vấn, thảo luận nhóm, quan sát.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Đa dạng tài nguyên LSNG

Kết quả nghiên cứu về nguồn LSNG ở Vườn Quốc gia Vũ Quang đã xác định được hơn 788 loài thuộc 6 ngành thực vật bậc cao có mạch là Magnoliophyta, Pinophyta, Polypodiophyta, Lycopodiophyta, Psilophyta và Equisetophyta (Bảng 1).

Bảng 1

Các nhóm lâm sản ngoài gỗ tại VQG Vũ Quang

TT	Nhóm công dụng	Số loài
1.	Nhóm cây làm thuốc (Th)	554
2.	Nhóm cây làm cảnh (CAN)	98
3.	Nhóm cây cho tinh dầu (CTD)	51
4.	Nhóm cây cho nhựa (CNh)	5
5.	Nhóm cây cho tanin (TAN) và làm thuốc nhuộm (TNh)	17
6.	Nhóm cây cho vật liệu xây dựng (XAY)	36
7.	Nhóm cho dầu béo (CDB)	28
8.	Nhóm cây song mây (SM) DTC	10
9.	Nhóm cây ăn được (AND)	179
10.	Nhóm cây độc (DOC)	12
11.	Nhóm cây cho sợi (SOI)	26
12.	Nhóm cây làm thức ăn chăn nuôi (AGS)	16

- Nhóm cây làm thuốc: Đối với những người dân sống ở vùng sâu vùng xa, dược liệu từ thiên nhiên là một giải pháp hữu hiệu trong việc chữa trị các loại bệnh thông thường. Hiện nay, tuy các dịch vụ y tế cộng đồng ở miền núi đã được quan tâm hơn, nhưng việc sử dụng thực vật làm dược liệu vẫn là thói quen không thể thiếu được của người dân nơi đây. Hầu hết, người dân ở đây không khai thác thực vật làm dược liệu về để sẵn, mà khi nào cần họ mới đi hái. Nhóm tài nguyên này gồm 554 loài, gồm chủ yếu các loài *Cinnamomum longepetiolatum* Kosterm. apud Phamh., *Cissampelos pareira* L. var. *hirsuta* D.C., *Homalomena occulta* (Lour.) Schott., *Anoectochilus setaceus* Blume, *Ardisia silvestris* Pitard, *Xanthium inaequilaterum* D.C., *Vernonia arborea* Buch. - Ham., *Canarium album* (Lour.), *Bauhinia khaysiana* Bak., *Breynia fruticosa* Hook. f., *Cleistanthus myranthus* (Hassk) Kurz, *Heterosmilax gaudichaudiane* (Kunth) Maxim, *Alpinia galanga* (L.) Willd., *Zingiber zerumbet* (L.) Smith...

- Nhóm cây cho lương thực, thực phẩm (ăn được) gồm 179 loài. Đối với người dân miền núi tình trạng thiếu lương thực và thực phẩm luôn là sức ép lớn lên tài nguyên rừng. Một số loài chủ yếu là: Gấm (*Gnetum* spp.), Khoai mài (*Dioscorea* spp.), Trám (*Bursera* spp.), Chân chim (*Schefflera* spp.)...

- Nhóm cây làm cảnh gồm 98 loài. Đây là nhóm LSNG được người dân khai thác và buôn bán nhiều ở thị trường vì nguồn thu nhập khá cao. Một số loài chủ yếu như các loài *Anoectochilus setaceus* Blume, *Ficus* spp., *Thunbergia grandifolia* (Roxb. ex Rottl.) Roxb., *Bauhinia purpurea* L., *Barringtonia* spp., *Dendrobium* spp., *Begonia* spp.

- Nhóm cây cho tinh dầu gồm 51 loài. Một số loài chủ yếu thuộc các chi như: *Litsea* spp., *Cinnamomum* spp., *Desmos* spp., *Fissistigma* spp., *Acrocephalus indicus* (Burm.f.) Kuntze, *Pogostemon cablin* (Blanco) Benth., *Evodia* spp.,...

- Nhóm cho vật liệu xây dựng với 36 loài, chúng là nguồn cung cấp vật liệu xây dựng nhà cửa, đan lát, làm đồ gia dụng. Một số loài chủ yếu như Tre (*Bambusa* spp.), Nứa (*Schizostachyum* spp.)...

- Nhóm cây cho ấu bèo với 28 loài. Một số loài điển hình là các loài: Dọc (*Garcinia muntiflora* Champ. ex Benth.), Trường ngân (*Agelaea macrophylla* (Zoll.) Leeinh.), Lai (*Aleurites moluccana* (L.) Willd.), Cánh kiến (*Mallotus philippinensis* (Lamk.) Muell.-Arg.), Long não (*Cinnamomum camphora* (L.) Presl), Ô đư ớc (*Lindera glauca* (Sieb. & Zucc.) Blume)...

- Nhóm cây cho sợi: 26 loài, đây là nguồn nguyên liệu cung cấp sợi cho người dân ở vùng đê m như: Ngã m (*Aporusa dioica* (Roxb.) Muell.-Arg.), Ba soi (*Macaranga denticulata* (Blume) Muell.-Arg.), Bái nhọn (*Sida acuta* Burm.f.), Bụ p tra (*Hibicus tiliaceus* L.)...

- Nhóm dùng làm thức ăn chẵn nuôi gồm 16 loài. Một số loài chủ yếu gồm các loài Ráy (*Alocasia* spp.), Thiên niên kiện (*Holamomena* spp.)...

- Nhóm cây song mây gồm 10 loài. Đây là nhóm LSNG quan trọng, nguồn nguyên liệu làm đồ mỹ nghệ trong nước và xuất khẩu, mang lại nguồn thu nhập của cộng đồng người dân địa phương. Các loài chủ yếu là: *Calamus cambodiensis*, *Calamus platyacanthus*, *Calamus poilanei*...

- Nhóm cây cho nhựa gồm 5 loài. Một số loài chủ yếu là Trám (*Canarium* spp.), Sơn đào (*Melanorrhoea usitata* Wall.), Thông nhựa (*Pinus merkusii* Cool & Gauss.)...

- Nhóm cây cho ớc với 12 loài, điển hình như: Lá ngón (*Gelsemium elegans* (Gandn. & Champ.) Berth.), Dây đông ầu (*Anamirta cocculus* (L.) Wight & Arn.), Chò sót (*Schima superba* Gard. & Champ. in Hook.)...

- Nhóm cây cho chất nhuộm gồm có 3 loài là: Nam hoàng (*Fibraurea recisa* Pierre), Lim xet (*Peltophorum pterocarpum* (A. DC.) Barke. ex Heyne), Tô mộc (*Caesalpinia sappan* L.)...

- Nhóm cây cho tanin 4 loài, điển hình là: Màng kiêng (*Pterospermum truncatolobatum* Gagnep.), Đuôi ngựa (*Rhoiptelea chiliantha* Diels & Hand.-Mazz.), Trâm tích lan (*Syzygium zeylanicum* (L.) DC.)...

Như vậy, các nhóm thực vật cho LSNG được người dân địa phương khai thác và sử dụng có những giá trị, công dụng rất đa dạng. Điều này khẳng định được rằng thực vật cho LSNG ở đây đã giải quyết tại chỗ phần nào nhu cầu lương thực, thực phẩm, thuốc men, vật liệu xây dựng, củi đun... cho người dân.

Trong tổng số 788 loài đã được điều tra thì có 52 loài có nguy cơ bị tuyệt chủng được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam 2007.

Những loài Rất nguy cấp (CR) là Kim cang poilane (*Smilax poilanei* Gagnep.), Re hương (*Cinnamomum parthenoxylon* (Jack) Meisn.), Mật hương (*Hedyosmum orientale* Merr. et Chun).

Những loài nguy cấp (EN) bao gồm: Thái bình (*Dendrobium moschatum* (Buch.-Ham.) Sw.), Thủy tiên hường (*Dendrobium amabile* (Lour.) O'Brien), Ngọc vạn vàng (*Dendrobium chrysanthum* Lindl.), Kim tiền tơ (*Anoectochilus setaceus* Blume), Gỏi thủy sa pa (*Anoectochilus chapaensis* Gagnep.), Ngai cau (*Curculigo orchioides* Gaertn.), Song ật (*Calamus poilanei* Conrard), Trọng lâu nhiều lá (*Paris polyphylla* Smith), Đở trọng tía (*Euonymus chinensis* Lindl.), Dẻ cau lông trắng (*Lithocarpus vestitus* (Hickel & A. Camus) A. Camus), Sên mật (*Madhuca pasquieri* (Dubard) H. J. Lam), Lá đường đ (*Alniphyllum eberhardtii* Guillaum.), Trà hoa giber (*Cammellia gilbertii* (A. Chev.) Sealy), Trâm hương (*Aquilaria crassna* Pierre ex Lecomte), Pơ mu (*Fokienia hodginsii* (Dunn) A. Henry & H. H. Thomas), Ớt toái bở (*Drynaria fortunei* (Kunze ex Mett.) J. Sm.), Gụ mật (*Sindora siamensis* Teysm. ex Miq.).

Những loài sẽ nguy cấp (VU) bao gồm: Nhất điểm hồng (*Dendrobium draconis* Reichb.f.), Ngọc điểm (*Dendrobium farmeri* Paxt.), Hoàng tinh cánh (*Disporopsis longifolia* Craib), Xà bì bắc bộ (*Ophiopogon tonkinensis* Rodr.), Sâm cau (*Peliosanthes teta* Andr.), Song mật (*Calamus platyacanthus* Warb. ex Becc.), Thần phục (*Homalomena pierreana* Engl.), Sơn đào (*Melanorrhoea usitata* Wall.), Ba g c lá mỏng (*Rauwolfia micrantha* Hook.), Ba g c vòng

(*Rauwolfia verticillata* (Lour.) Baill.), Tỏi tể tân (*Asarum caudigerum* Hance), Trám đen (*Canarium tramdenum* Dai & Yakovl.), Châu thụ (*Gaultheria fragrantissima* Wall.), Sồi đá lá mác (*Lithocarpus balansae* (Drake) A. Camus), Ổ duối (*Quercus setulosa* Hickel & A. Camus), Bộp quả bầu dục (*Actinodaphne ellipticibacca* Kosterm.), Gù hương (*Cinnamomum balansae* Lecomte), Re cam bột (*Cinnamomum cambodianum* Lecomte), Vàng tâm (*Manglietia dandyi* (Gagnep.) Dandy in S. Nilsson), Lát hoa (*Chukrasia tabularis* A. Juss.), Lá khô (*Ardisia silvestris* Pitard), Thiên lý hương (*Embelia parviflora* Wall. ex A. DC.), Rau sắng (*Melientha suavis* Pierre), Xứn xạ (*Kadsura heteroclita* (Roxb.) Craib), Ngũ vị bắc (*Schisandra chinensis* (Tucz.) K. Koch), Xung da (*Siphonodon celastrineus* Griff.), Túi balansa (*Cycas balansae* Warb.), Du sam núi ất (*Keteleeria evelyniana* Mast), Sơn dương (*Rhopalocnemis phalloides* Junghun.), Mã h (*Mahonia nepalensis* DC.), Đẳng sâm (*Codonopsis javanica* (Blume) Hook. f. & Thomson), Đuôi ngựa (*Rhoiptelea chiliantha* Diels & Hand.-Mazz.).

Do vậy, cần có những chính sách bảo tồn, gây trồng rộng rãi và khai thác một cách hợp lý, đặc biệt là các loài LSNG cho rau ăn hay làm dược liệu.

2. Ý nghĩa và khả năng phục hồi những loài có giá trị

Lâm sản ngoài gỗ có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với người dân địa phương sống trong rừng hay ven rừng, chúng chính là thức ăn, thuốc chữa bệnh, nguyên liệu xây dựng, chất đốt. Những giá trị này thường ít khi được quan tâm đánh giá nên người ta không thể ước lượng được cho việc phải chi trả hàng năm bao nhiêu tiền nếu không có LSNG xung quanh. Bên cạnh đó, LSNG đang trở thành giá trị hàng hóa ngày càng nhiều và rất cần thiết mang lại thu nhập đáng kể cho người dân địa phương. Nhưng hiện nay, việc khai thác LSNG chủ yếu dựa vào thiên nhiên đã khiến cho LSNG trong tự nhiên ngày càng bị cạn kiệt. Do vậy, cần có những chính sách để khôi phục và gây trồng các loài LSNG có giá trị.

Để giảm bớt sự khó khăn và rủi ro của việc khôi phục và gây trồng cây cho LSNG có giá trị. Nên tư vấn cho người dân địa phương lựa chọn các giống cây bản địa để gây trồng trên các khu vực phù hợp, nhanh cho thu nhập và có thị trường lớn. Bên cạnh đó cần tập trung gây giống và bảo tồn các loài LSNG có nguy cơ tuyệt chủng như: Lá khô (*Ardisia silvestris* Pitard), Rau sắng (*Melientha suavis* Pierre), Ba gác lá vòng (*Rauwolfia verticillata* (Lour.) Baill), Kim tuyến đá vôi (*Anoectochilus calcareus* Blume), Song ột (*Calamus poilanei* Conrard), Dây hương (*Erythralium scandens* Blume)...

3. Hướng sử dụng và phát triển LSNG

Để có thể khai thác hết tiềm năng của LSNG thì cần có những nghiên cứu đầy đủ. Các hướng nghiên cứu tùy thuộc vào từng địa phương cụ thể nhưng có thể khái quát theo các nhóm sau:

- Đánh giá tài nguyên LSNG: số lượng, trữ lượng, khả năng cung cấp hàng năm
- Phương pháp bảo vệ, gây trồng và phát triển để đáp ứng cung cấp nguyên liệu bền vững mà không phá huỷ hệ sinh thái rừng.
- Phương pháp khai thác bền vững.
- Phương pháp bảo quản, chế biến.
- Đánh giá, mở rộng thị trường.
- Chính sách cho phát triển tài nguyên LSNG.
- Quy hoạch vùng trồng thích hợp đối với các loại cây và vùng nuôi với các loại con theo cách tiếp cận dựa vào cộng đồng.
- Có kế hoạch khai thác cho việc sử dụng mang tính bền vững.
- Phát triển ngành nghề thủ công ở quy mô gia đình, cộng đồng.

III. KẾT LUẬN

Bước đầu đã xác định được 788 loài thực vật được chia làm 12 nhóm LSNG được người dân khai thác tại VQG Vũ Quang tỉnh Hà Tĩnh. Trong đó, nhóm LSNG được khai thác nhiều nhất là nhóm cây làm thuốc, tiếp đến là cây cho tinh dầu, cây làm cảnh...

Việc khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên này ở địa bàn nghiên cứu vẫn còn mang nặng thói quen tự cấp, tự túc. Phần lớn người dân ở đây vẫn coi tài nguyên rừng như một kho nguyên liệu sẵn có, cung cấp mọi thứ cho cuộc sống của họ, nên ý thức bảo tồn và phục hồi tài nguyên rừng vẫn chưa được chú ý. Cần tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ, phục hồi rừng và sử dụng bền vững nguồn LSNG tại địa phương.

Hiện nay, một số loài cây quý hiếm đã bị khai thác cạn kiệt, cần có những chính sách bảo tồn, gây trồng rộng rãi và khai thác một cách hợp lý, đặc biệt là các loài LSNG làm dược liệu và cho rau ăn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ KH & CN, Viện KHCNVN**, 2007: Sách Đỏ Việt Nam, Phần II - Thực vật. NXB. KHTN & CN, Hà Nội.
2. **Nguyễn Tiến Bản (chủ biên)**, 2003, 2005: Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tập 2, 3. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
3. **Triệu Văn Hùng**, 2007: Lâm sản ngoài gỗ Việt Nam. NXB. Bản đồ, Hà Nội.
4. **Trung tâm nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật**, 2001: Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tập 1. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
5. **Võ Văn Chi**, 1996: Từ điển cây thuốc Việt Nam. NXB. Y học, Hà Nội.
6. **Võ Văn Chi, Trần Hợp**, 1999: Cây ở có ích ở Việt Nam, tập 1, 2. NXB. Giáo dục, Hà Nội.

NON TIMBER FOREST PRODUCTS IN VU QUANG NATIONAL PARK, CONSERVATION SIGNIFICANCE, UTILIZATION AND DEVELOPMENT

LE THI HUONG, DO NGOC DAI, NGUYEN TIEN CUONG,
LE VAN TOAN, TRAN MINH HOI, NINH KHAC BAN

SUMMARY

Through investigation, over 788 species of plant NTFPs have been initially identified to be exploited by the local people. In particular, the most exploited groups of NTFPs are medicinal plants, followed by food plants, ornamental plants, essential oil plants, etc., Although knowledge of exploitation, processing and usage of NTFPs from the forest vegetation of the people are rich, but the exploitation and use of this resource in the study area is biased with self-sufficiency. Most people here still consider the forest resource as available raw material to provide everything for their lives, so the conservation and restoration of forest resources have not received sufficient attention. Currently, some precious species have already been exhausted; the remaining species are mostly of low value in usage and of less interest in the market. This was a significant decrease of forest resources caused by the people. It is time to raise the awareness of forest restoration and sustainable development of NTFPs.